

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/ DSST
Ngày 22- 9- 2022
V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Lâm

Ông Nguyễn Đức Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện D, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - DS ngày 31/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2022/QĐST-DS ngày 27/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2022/QĐST-DS ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện D, Thông báo chuyển ngày xét xử số 405 / TB-TA ngày 07/6/2022, Thông báo chuyển ngày xét xử số 438/ TB-TA ngày 27/6/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 478/QĐST- DS ngày 15/7/2022, Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 571/TB- TA ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E), địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà R, số 111A Y, phường U, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Tổng Giám đốc, đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc V: Bà Trần Thị Thu H- Giám đốc Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ Khối Ngân hàng bán lẻ E theo Giấy ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu H: Ông Phạm T theo Giấy ủy quyền số 012663.21 ngày 18/11/2021.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng V1, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Đăng V1 vay của Ngân hàng Q, tên viết tắt là E (sau đây viết tắt là E) số tiền 102.000.000đồng, thể hiện tại Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018, Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 549.KUNN.801.18 ngày 22/6/2018. Theo Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ thì anh V1 vay vốn của E thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 17,5%/năm, mức lãi suất này được tính cố định trong suốt thời hạn vay, số tiền phải trả hàng tháng (bao gồm gốc và lãi) là 2.562.466đồng, định kỳ trả vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/7/2018.

Vào ngày 27/6/2018 anh Nguyễn Đăng V1 đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, E đã chấp thuận cấp thẻ tín dụng cho Nguyễn Đăng V1, số tài khoản thẻ 000000000156935, loại thẻ: Thẻ tín dụng Quốc tế E Gold, ngày cấp 27/6/2018, hạn mức thẻ 30.000.000đồng, lãi suất, phí thực hiện theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng anh Nguyễn Đăng V1 luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy E đã chuyển khoản vay của anh Nguyễn Đăng V1 sang nợ quá hạn từ ngày 10/01/2019.

Anh Nguyễn Đăng V1 đã trả cho E tổng cộng 30.634.817đồng (trong đó trả nợ gốc là 22.978.296đồng, trả nợ lãi 7.656.521đồng), tính đến ngày 22/9/2022 anh V1 còn nợ của E tổng cộng là 235.155.000đồng, cụ thể:

Nợ theo Hợp đồng tín dụng: số tiền nợ gốc 94.441.534đồng, nợ lãi trong hạn 37.399.417đồng, nợ lãi quá hạn 46.535.981đồng, tổng cộng: 178.376.932đồng;

Nợ theo Thẻ tín dụng: nợ gốc 27.821.463đồng, nợ lãi 9.446.747 đồng, phí thanh toán trễ hạn 14.921.292đồng, phí vượt hạn mức 4.589.166đồng, tổng cộng: 56.778.668 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Đăng V1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018, tiền lãi tính đến ngày 21/9/2022 tổng cộng là 178.376.932đồng và tiền lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đối với khoản vay Thẻ tín dụng Quốc tế E Gold không phát sinh lãi nữa, vì vậy nguyên đơn chỉ yêu cầu anh V1 trả số nợ gốc và lãi cùng các khoản phí phát sinh tính đến ngày 25/11/2019 tổng cộng là 56.778.668đồng, không yêu cầu anh V1 phải trả lãi và phí phát sinh sau ngày 25/11/2019 đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng V1 không có mặt tại nơi cư trú nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 40, Khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, , Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/9/2022 tổng cộng là 235.155.000đồng, trong đó nợ gốc vay theo Hợp đồng tín dụng 94.441.534đồng, nợ lãi trong hạn 37.399.417đồng, nợ lãi quá hạn 46.535.981đồng, tổng cộng: 178.376.932đồng, nợ gốc vay theo thẻ tín dụng E số tiền nợ gốc 27.821.463 đồng, nợ lãi 9.446.747 đồng, phí thanh toán trễ hạn 14.921.292đồng, phí vượt hạn mức 4.589.166đồng, tổng cộng: 56.778.668 đồng; bị đơn còn phải trả tiền lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/9/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong thời gian vay tài sản của nguyên đơn thì bị đơn anh Nguyễn Đăng V1 có địa chỉ thường trú ở xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay anh V1 vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại xã S, huyện D, tỉnh Quảng Ngãi, do đó đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh Nguyễn Đăng V1. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định: “a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Anh Nguyễn Đăng V1 đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết

04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, vì vậy vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đăng V1.

Tại phiên tòa ngày 27/4/2022 anh Nguyễn Đăng V1 vắng mặt, phiên tòa ngày 19/5/2022 anh Nguyễn Đăng V1 và nguyên đơn vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 15/7/2022, anh Nguyễn Đăng V1 không có yêu cầu phản tố, anh Nguyễn Đăng V1 vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đăng V1. Tại phiên tòa, xét thấy cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 22/9/2022 phiên tòa được tiếp tục.

Về nội dung:

[1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 549.KUNN.801.18 ngày 22/6/2018, với số tiền vay là 102.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, định kỳ trả nợ vào ngày 10 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện không đúng và đầy đủ việc trả nợ gốc và lãi định kỳ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn về việc chuyển nợ quá hạn và thực hiện biện pháp thu hồi nợ là có phù hợp khoản 3.1 và khoản 3.3 Điều 3 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 549.KUNN.801.18 ngày 22/6/2018, số tiền nợ gốc 94.441.534đồng, nợ lãi trong hạn 37.399.417đồng, nợ lãi quá hạn 46.535.981đồng (nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2022), tổng cộng: 178.376.932đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định của Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc, nợ lãi và phí của khoản vay theo Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/6/2018, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E, số tài khoản thẻ 000000000156935, hạn mức thẻ 30.000.000đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, bị đơn không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi và phí định kỳ theo thỏa thuận tại Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/6/2018, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E, nên nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn về việc chuyển nợ quá hạn và thực hiện biện pháp thu hồi nợ là phù hợp điều khoản 8.4, 8.7, 10.2 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi của khoản vay theo Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/6/2018, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E, số tài khoản thẻ 000000000156935, số tiền nợ gốc

27.821.463 đồng, nợ lãi 9.446.747 đồng, phí thanh toán trễ hạn 14.921.292 đồng, phí vượt hạn mức 4.589.166 đồng, tổng cộng: 56.778.668 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định của Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018 cho đến khi bị đơn tắt toán và không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi, phí phát sinh của khoản vay thẻ tín dụng E, số tài khoản thẻ 000000000156935 sau ngày 25/11/2019 đến khi tắt toán khoản vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.757.750 đồng (235.155.000 đồng x 5% = 11.757.750 đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40, Khoản 1 Điều 275, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E), buộc bị đơn là anh Nguyễn Đăng V1 phải trả cho Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E) số tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (cho vay tiêu dùng) số 549.HDTD.801.18, ngày 22/6/2018, Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 549.KUNN.801.18 ngày 22/6/2018, số tiền nợ gốc 94.441.534 đồng, nợ lãi trong hạn 37.399.417 đồng, nợ lãi quá hạn 46.535.981 đồng, tổng cộng: 178.376.932 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 22/9/2022, anh Nguyễn Đăng V1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hồ sơ vay vốn, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Nguyễn Đăng V1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E), buộc bị đơn là anh Nguyễn Đăng V1 phải trả cho Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E) số tiền nợ gốc và nợ lãi của khoản vay theo Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 27/6/2018, Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng E, số tài khoản thẻ 000000000156935, số tiền nợ gốc

27.821.463 đồng, nợ lãi 9.446.747 đồng, phí thanh toán trễ hạn 14.921.292 đồng, phí vượt hạn mức 4.589.166 đồng, tổng cộng: 56.778.668 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.757.750 đồng; Hoàn trả Ngân hàng Q (Tên viết tắt: E) số tiền 5.014.259 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001092 ngày 18/11/2021 .

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình